

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

• PGS. TS. PHAN VĂN KHA

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Đặt vấn đề:

Trong thời kì đổi mới ở nước ta từ năm 1986, nền kinh tế nước ta chuyển từ nền kinh tế theo cơ chế quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường. Thị trường đang dần được hình thành và phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực sản xuất vật chất và kinh doanh. Đồng thời, trong một số lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, thể thao v.v..., câu hỏi đặt ra là có thị trường hay không có thị trường? Đã có nhiều cuộc hội thảo đưa ra trao đổi vấn đề này, và không ít các cuộc tranh luận hết sức gay gắt.

Tuy nhiên, một điều không thể phủ nhận là nền kinh tế thị trường (KTTT) đã và đang tác động mạnh mẽ (cả tác động tích cực và tiêu cực) và rộng rãi tới tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Trên thực tế đã và đang xuất hiện "các yếu tố của thị trường" trong các lĩnh vực nêu trên, có thể nêu như: Sự hình thành và hoạt động của các trung tâm khám, chữa bệnh tư nhân trong hệ thống dịch vụ y tế; hệ thống chuyển nhượng và mua bán cầu thủ bóng đá và bóng chày trong lĩnh vực thể thao v.v...

Nền giáo dục (GD) ở nước ta cũng như ở bất kì nước nào trên thế giới cũng chịu sự tác động mạnh và sự chi phối của hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội. Những đổi mới trong kinh tế, quá trình thị trường hoá nền kinh tế sẽ tác động trực tiếp tới sự phát triển GD. GD cần được đổi mới để thích ứng và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong cơ chế thị trường, trong đó đổi mới quản lí (mà cốt lõi là đổi mới tư duy và cơ chế) là quan trọng hàng đầu, là giải pháp chiến lược đột phá trong Chiến lược phát triển GD 2001 - 2010. Vì vậy, cần phải và có thể sử dụng, phát huy tính tích cực của những cơ chế và công cụ thị trường trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển GD, hạn chế những mặt trái... Đây là vấn đề hết sức phức tạp và nhạy cảm. Bài viết chỉ đề cập tới vấn đề GD với tư cách là một lĩnh vực dịch vụ công cộng dưới tác động của các quy luật TT.

1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN

Trong thời kỳ đổi mới, nền kinh tế nước ta chuyển dần từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị

trường, có sự quản lí của nhà nước, theo định hướng XHCN. Kinh tế thị trường định hướng XHCN có nghĩa: nền kinh tế phải tuân theo các nguyên tắc và quy luật phổ biến của kinh tế thị trường (đó là quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị). Đồng thời phát triển nền kinh tế phải đảm bảo định hướng XHCN và tạo ra chất lượng mới của sự phát triển. Đó là nền kinh tế của một nhà nước pháp quyền XHCN, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. (1, trg 328).

Văn kiện Đại hội X cũng khẳng định những nội dung cơ bản của định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta (2, trg 239 - 240):

- Nhằm mục tiêu thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh";

- Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo;

- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hình thành cấu trúc kinh tế - xã hội phát triển ổn định, bền vững; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, ..., đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

- Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, đảm bảo vai trò quản lí, điều tiết của nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

2.1. "Dịch vụ giáo dục"

Trên thế giới, tất cả các hoạt động xã hội được phân chia ra làm hai loại: Sản xuất và dịch vụ. Trong danh mục 12 loại dịch vụ của GATS (General Agreement on Trade in Service - Hiệp định chung về thương mại dịch vụ), thuộc tổ chức WTO, giáo dục được xác định là một loại hình dịch vụ.

Ở Việt Nam, giáo dục cùng với y tế, khoa học và công nghệ, văn hoá, thể dục thể thao là những lĩnh vực dịch vụ công cộng chủ yếu. Dịch vụ công cộng là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân và là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định xã hội và đảm bảo công bằng xã hội. Phát triển dịch vụ GD vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế-xã hội. Vì vậy, việc chuyển đổi

phương thức cung ứng các loại dịch vụ này cần được thực hiện một cách tích cực, theo một kế hoạch đồng bộ và lộ trình phù hợp.

Nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải, trong báo cáo trình bày trước Quốc hội Khoá XI, kỳ họp thứ 6 đã nhấn mạnh "Chuyển từng bước các hoạt động sự nghiệp công ích như giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sang cơ chế hoạt động dịch vụ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN". (Báo Nhân dân ngày 26/10/2004, trg 4)

Báo cáo của Ban Chấp hành TW Đảng khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2006 - 2010 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: "Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng là khâu đột phá quan trọng để phát triển nhanh và có hiệu quả các lĩnh vực văn hoá - xã hội. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế, phải luôn coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi cơ bản của nhân dân, đặc biệt là đối với những người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; đồng thời không xem nhẹ việc đáp ứng những nhu cầu của bộ phận ngày càng đông dân cư có thu nhập cao hơn...; tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các cơ sở dịch vụ tư nhân và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài". Dịch vụ công cộng nêu trên chủ yếu bao gồm: GD; y tế; khoa học và công nghệ; văn hoá; thể dục thể thao. (1, tr 203-204)

Do vậy, GD đã được khẳng định là lĩnh vực dịch vụ công. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động và đặc điểm của loại dịch vụ này tùy thuộc vào mức độ can thiệp của Nhà nước về đầu tư, cung cấp dịch vụ, chi phối và điều tiết các hoạt động.

Bản chất của "dịch vụ giáo dục XHCN" trong nền kinh tế thị trường được thể hiện:

- Phát triển giáo dục vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

- Đảm bảo công bằng xã hội trong việc tiếp cận giáo dục thông qua các chính sách đầu tư, tuyển sinh, học phí và học bổng .v.v..., đặc biệt với các đối tượng thiệt thòi, các đối tượng chính sách, con em dân tộc thiểu số, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa.

- Nhà nước đóng vai trò thống nhất trong quản lý và chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục. Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: Định hướng cho sự phát triển GD thông qua chiến lược, quy hoạch phát triển các lĩnh vực của GD. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần tăng cường hiệu lực quản lý thông qua việc tạo môi trường pháp lý phục vụ quản lý phát triển GD, hạn chế các tác động tiêu cực của kinh tế thị

trường. Vai trò chủ đạo của nhà nước được thể hiện trong việc đảm bảo công bằng trong giáo dục (như đã đề cập ở trên), những lĩnh vực đặc thù, then chốt .v.v...

- Bằng các cơ chế và chính sách thuận lợi để khuyến khích, thu hút sự đóng góp trí tuệ và nguồn lực của các cá nhân, tổ chức, các tầng lớp xã hội cho sự nghiệp phát triển giáo dục, trên cơ sở tôn trọng các quy luật của thị trường.

b. Phân loại "dịch vụ GD"

Theo mức độ chi phối của Nhà nước và mức độ tác động của thị trường đến các "dịch vụ GD", có thể phân các loại dịch vụ GD thành hai nhóm:

1) Nhóm những dịch vụ xã hội cơ bản trong GD và; 2) Nhóm những dịch vụ GD khác.

- Những loại dịch vụ GD trong đó nhà nước can thiệp mạnh mẽ và trực tiếp để nâng cao phúc lợi cơ bản, chung cho toàn xã hội, hạn chế tác động của thị trường - đó là những dịch vụ xã hội cơ bản trong GD.

Dịch vụ xã hội cơ bản trong GD là loại dịch vụ cung cấp những kiến thức tối thiểu cần thiết cho hoạt động con người, tương ứng với trình độ phát triển kinh tế-xã hội ở mỗi giai đoạn nhất định. Nhà nước tiếp tục tăng ngân sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kĩ thuật để nâng cao phúc lợi chung cho toàn xã hội, đảm bảo cung ứng các dịch vụ giáo dục trong các lĩnh vực và cho các đối tượng: 1). Xoá mù chữ; phổ cập giáo dục tiểu học và THCS; 2). Cung cấp dịch vụ GD cho người dân tộc, ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa; các nhóm dân cư yếu thế như trẻ em mồ côi, cơ nhỡ, người tàn tật, người nghèo, đối tượng chính sách xã hội nhằm hạn chế tác động tiêu cực của thị trường và đảm bảo công bằng xã hội trong GD và; 3). Giáo dục trong những khu vực đặc thù, liên quan đến bí mật quốc gia, lĩnh vực đặc biệt ưu tiên ở tầm quốc gia như quốc phòng, an ninh .v.v.... Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, Nhà nước vẫn có thể sử dụng cơ chế và một số công cụ thị trường để cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các loại hình dịch vụ khác trong GD là những dịch vụ chịu sự tác động mạnh của thị trường, trong đó phải kể đến dịch vụ chuẩn bị nghề nghiệp cho người lao động, cụ thể là lĩnh vực đào tạo nhân lực (ĐTNL) (Đào tạo nghề dài hạn và ngắn hạn, THCN, CD, ĐH&SDH). Nhà nước chủ yếu giữ vai trò quản lý vĩ mô một số lĩnh vực đối với loại hình dịch vụ này. Nói cách khác đó là loại dịch vụ cung ứng những kiến thức, kĩ năng, rèn luyện thái độ nghề nghiệp cho người lao động chuẩn bị đi vào thế giới nghề nghiệp trong tương lai, trực tiếp phục vụ trong các ngành kinh tế - xã hội.

"Dịch vụ ĐTNL" được tổ chức và hoạt động trong nền kinh tế thị trường cũng chịu sự tác

động của các quy luật thị trường, như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị. Tuy nhiên, không thể vận dụng máy móc các quy luật kinh tế và dịch vụ hàng hoá vào lĩnh vực giáo dục vì sản phẩm của giáo dục là con người. Cần xem xét các tác động của thị trường tới GD, tận dụng và phát huy các mặt tích cực, đồng thời hạn chế tối đa các tác động tiêu cực để phát triển sự nghiệp GD.

Phát triển "Dịch vụ ĐTNL" theo hướng tự chủ, nâng cao trách nhiệm xã hội, thực hiện hạch toán thu chi không vì lợi nhuận, Nhà nước không bao cấp tràn lan. Các nguồn lực đầu tư chủ yếu thu hút theo chính sách xã hội hoá: học phí; đóng góp của các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp .v.v... Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi về mặt cơ chế và chính sách cho sự phát triển các cơ sở dịch vụ tư nhân và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Đặc điểm của dịch vụ ĐTNL trong nền KTTT

- Trong nền KTTT, sản phẩm của hoạt động không chỉ bao gồm các sản phẩm vật chất mà còn cả những sản phẩm dịch vụ (services) phục vụ cho những nhu cầu của con người. Ở đây, liên quan đến các vấn đề xã hội, ngoài thị trường các loại hàng hoá và dịch vụ xã hội, còn có thị trường lao động, mà ĐTNL là một trong những yếu tố cơ bản tạo thành giá cả sức lao động.

- Sản phẩm của hệ thống ĐTNL có thuộc tính hàng hoá (4 tr.4) (hàng hoá sức lao động). Dịch vụ ĐTNL có liên quan rất chặt chẽ và tác động qua lại với thị trường lao động, đặc biệt là sản phẩm của loại hình dịch vụ này chịu sự tác động trực tiếp, sự chi phối và điều tiết của thị trường lao động, nếu được trao đổi theo cơ chế thị trường phải trên cơ sở bù đắp chi phí. Nhà nước XHCN thực hiện quản lý thị trường sức lao động, đảm bảo quyền của người có sức lao động và quyền lợi chính đáng của người sử dụng lao động theo pháp luật.

- *Chung loại các dịch vụ, quy mô, cơ cấu và chất lượng của sản phẩm dịch vụ ĐTNL phải được thiết kế và tổ chức triển khai căn cứ vào nhu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá khoa học, kĩ thuật, công nghệ.*

- *Phạm vi cung cấp dịch vụ ĐTNL:* Trong điều kiện kinh tế thị trường, ĐTNL có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu của mọi thành phần kinh tế, mọi đối tượng khi có nhu cầu. Nhu cầu dịch vụ ĐTNL do đội ngũ rất đa dạng các loại khách hàng quyết định. Đào tạo không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu của kinh tế quốc doanh, cho biên chế nhà nước mà cho cả các thành phần kinh tế khác và mọi nhu cầu xã hội, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cộng đồng dân cư, cá

nhân, tổ chức.v.v...

- *Chủ thể và các đơn vị cung cấp dịch vụ cũng rất đa dạng về loại hình sở hữu như:* các cơ sở đào tạo công lập; bán công, dân lập, tư thực; các trường quốc tế; liên danh, liên kết giữa các cơ sở ĐT trong nước với các cơ sở đào tạo nước ngoài v.v... với nhiều loại hình và hình thức tổ chức đào tạo như tập trung, không tập trung, bán trú, nội trú...; đào tạo đáp ứng nhu cầu đa dạng của cộng đồng, xã hội.

- *Đào tạo không chỉ bằng ngân sách nhà nước mà còn bằng các nguồn lực khác nhau, như đầu tư từ các doanh nghiệp, các dự án giáo dục, hộ gia đình, các tổ chức xã hội, viện trợ ODA v.v...*

- *Đào tạo không chỉ theo các chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên mà còn đào tạo theo địa chỉ, hợp đồng đào tạo v.v...*

- *Việc làm của người tốt nghiệp:* không chỉ theo cơ chế phân công mà theo cơ chế giới thiệu, tự tìm kiếm việc làm trong các thành phần kinh tế và tự tạo việc làm.

- *Sự vận động của dịch vụ ĐTNL về cơ bản cũng chịu sự tác động của thị trường.* Do đó, bằng hệ thống các thể chế và chính sách tác động, điều tiết và quản lý để phát triển loại hình dịch vụ này.

4. Đào tạo nhân lực dưới tác động của các quy luật của cơ chế thị trường

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, mặc dù hiện nay còn nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí còn có những tranh luận rất gay gắt về có hay không có thị trường trong GD&ĐT. Tuy nhiên, một vấn đề không thể phủ nhận là đào tạo nhân lực hiện nay đã và đang chịu sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường.

Đầu ra của đào tạo là đội ngũ nhân lực đã qua đào tạo, trực tiếp cung cấp cho các cơ sở sử dụng lao động thông qua các hợp đồng đào tạo theo địa chỉ, hoặc đội ngũ này sẽ gia nhập vào thị trường lao động. Thị trường lao động là nơi gặp gỡ, giao lưu giữa cung và cầu về lao động, giữa những người tìm việc, có nhu cầu về việc làm và những người hoặc tổ chức đang cần tuyển dụng lao động.

Cầu về nhân lực là nhu cầu nhân lực về số lượng, chất lượng và cơ cấu (theo ngành nghề, trình độ nghề nghiệp v.v...) cho những loại công việc nào đó trong xã hội, theo yêu cầu của TTLĐ và những cơ sở sử dụng lao động (các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp v.v...), nhu cầu của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Đối với mỗi cá nhân, ngoài nhu cầu về chuyên môn và trình độ đào tạo, cầu về ĐT còn được hình thành và quyết định bởi hy vọng về một khoản thu nhập trong tương lai, những chi phí trực tiếp và gián tiếp cho quá trình học tập của các cá nhân



và gia đình của họ. Ngoài nhân tố kinh tế còn có một số nhân tố khác cũng ảnh hưởng tới cấu trúc giáo dục như : yếu tố tâm lý và truyền thống văn hoá của dân tộc, trình độ học vấn của cha mẹ, quy mô của hộ gia đình...

Dưới tác động của sự phát triển kinh tế- xã hội của đất nước nói chung cũng như của từng địa phương nói riêng, nhu cầu về nhân lực không ngừng biến động về chất cũng như về lượng và cơ cấu.

Cung về nhân lực là khả năng cung ứng đúng thời điểm của hệ thống ĐTNL cho TTLĐ và các đơn vị sử dụng lao động về số lượng, cơ cấu và chất lượng lao động. Về thực chất, cung về GD được quyết định bởi tổng cầu về GD của các cá nhân, nó phụ thuộc trước hết vào trình độ phát triển của quốc gia, vào chính sách của chính phủ đối với sự phát triển ĐTNL trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và mục tiêu phát triển con người, hệ thống thể chế trong ĐTNL (cơ cấu nhân lực theo trình độ đào tạo, loại hình sở hữu...), trình độ phát triển của nền kinh tế.

Quan hệ cung- cầu còn được thể hiện qua mối quan hệ trực tiếp giữa CSSĐNL với đội ngũ nhân lực sau ĐT, giữa một bên là là yêu cầu cơ bản của người sử dụng lao động về ngành nghề được ĐT, năng lực và phẩm chất của người lao động, và một bên là nhu cầu của người lao động về tiền lương hoặc tiền công và điều kiện làm việc của họ, các chính sách đối với người lao động, sự hài lòng của người lao động v.v...

Sự cân bằng giữa cung và cầu là khi người lao động chấp nhận làm việc, người sử dụng lao động cũng chấp nhận tuyển dụng người lao động và số lượng người nhận việc cân bằng với số việc cần có người làm.

Với quy luật cung - cầu như trên, nếu đào tạo không gắn với yêu cầu của sản xuất, với nhu cầu của thị trường lao động, đào tạo không đủ cho nhu cầu của thị trường lao động cả về chất lượng cũng như số lượng thì kinh tế - xã hội không phát triển được. Ngược lại, nếu đào tạo vượt quá nhu cầu của thị trường thì sẽ làm cho thị trường lao động mất cân bằng, và một số lao động kĩ thuật được đào tạo sẽ bị thất nghiệp, làm cho cho hệ thống giáo dục và đào tạo trở nên kém hiệu quả về mặt kinh tế cũng như về mặt xã hội. Mặt khác, nếu đào tạo chỉ quan tâm đào tạo về mặt số lượng cung cấp cho thị trường đội ngũ nhân lực, nhưng không phù hợp về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, v.v... và chất lượng sẽ dẫn đến tình trạng vừa thừa vừa thiếu nhân lực, đội ngũ nhân lực đã qua đào tạo thất nghiệp ngày càng đông trong khi các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vẫn không tuyển dụng đủ lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh của mình.

Hiện nay hệ thống đào tạo của chúng ta chưa tuân thủ quy luật cung- cầu, đào tạo chưa gắn được với nhu cầu của thị trường lao động nên đã gây nên tình trạng vừa thừa lại vừa thiếu lao động kĩ thuật ngày càng nghiêm trọng.

Quy luật cạnh tranh cũng có những tác động mạnh mẽ đến đào tạo trong cơ chế thị trường. Khác với thời kỳ bao cấp trước đây, trong cơ chế thị trường, những người lao động được ĐT với chất lượng thấp sẽ ít có cơ hội tìm được việc làm và do vậy, những cơ sở đào tạo kém chất lượng cũng sẽ có nguy cơ bị đóng cửa. Bởi vậy, chất lượng và hiệu quả đào tạo có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cơ chế thị trường. Nói cách khác, cơ chế thị trường buộc các cơ sở đào tạo nhân lực phải đào tạo với chất lượng tốt, hiệu quả cao để có thể tồn tại và phát triển. Trong nền KTTT, bối cảnh hội nhập WTO, sự cạnh tranh không chỉ diễn ra trong phạm vi giữa các cơ sở đào tạo (CSĐT) trong nước mà còn mở rộng cạnh tranh giữa các CSĐT trong nước với các CSĐT nước ngoài tại Việt Nam để tăng khả năng thu hút người học, mà còn diễn ra giữa những người học trong các cuộc thi tuyển để có được chỗ học có chất lượng cao, cạnh tranh giữa các cơ sở sử dụng nhân lực để có được những sản phẩm của dịch vụ giáo dục có chất lượng, thoả mãn được nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh.

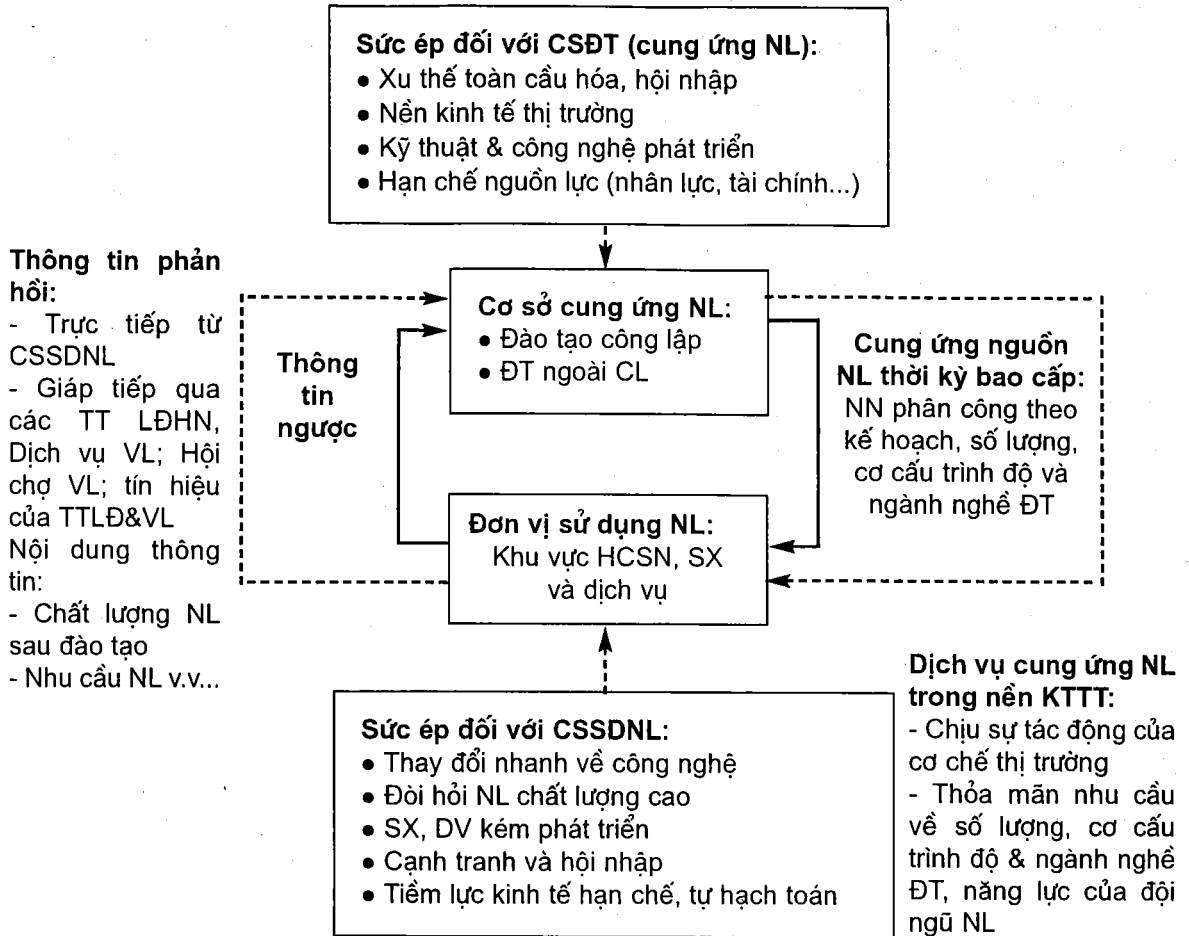
Chất lượng đào tạo đang trở nên một yêu cầu bức bách hàng đầu đồng thời là một thách thức to lớn đối với giáo dục và đào tạo của nước ta trong quá trình hội nhập.

Ngoài việc nâng cao chất lượng dịch vụ ĐTNL để cạnh tranh và mở rộng thị phần trong nước, cũng như cạnh tranh để xuất khẩu, việc mở rộng thị trường sức lao động ra nước ngoài là một định hướng quan trọng. Thị trường lao động là một thị trường đặc biệt, hàng hoá sức lao động của con người được đưa ra trao đổi và mua bán trên thị trường. Chất lượng sản phẩm của dịch vụ có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Khác với thời kỳ bao cấp trước đây, trong cơ chế thị trường, những người lao động được đào tạo với chất lượng thấp sẽ ít có cơ hội để tìm được việc làm.

Bản chất dịch vụ đào tạo nhân lực trong nền kinh tế thị trường được biểu diễn trên Hình 1.

Việc chuyển các hoạt động sự nghiệp của Nhà nước sang cơ chế cung ứng dịch vụ công cộng không bao cấp tràn lan và không vì lợi nhuận là khâu đột phá quan trọng để đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục lên bước phát triển mới. Đối mới cơ bản cơ chế cung cấp dịch vụ công cộng của các cơ sở công lập theo hướng xoá bỏ phương thức cung cấp dịch vụ bình quân theo giá không đủ bù đắp chi phí; đảm bảo cho các đơn vị cung ứng dịch vụ công cộng tự cân đối thu chi, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động.

Hình 1: Dịch vụ DTNL trong nền KTTT định hướng XHCN



Ghi chú:

NL: Nhân lực

TTLĐ&VL: Thị trường lao động và việc làm

CSĐT: Cơ sở đào tạo

CSSDNL: Cơ sở sử dụng nhân lực

LĐHN: Lao động hướng nghiệp

———— Đường liền: quan hệ trong thời kỳ bao cấp

----- Đường rời: quan hệ trong nền KTTT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng CSVN. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
2. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Chuyên đề nghiên cứu Nghị quyết Đại hội X của Đảng (Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên). NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2006.
3. Chiến lược phát triển GD 2001-2010. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
4. Chính phủ. Báo cáo về tình hình GD. Hà Nội, 9/2004.
5. Đặng Quốc Bảo. Quan điểm phát triển giáo dục trong điều kiện nền kinh tế thị trường và việc vận dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam. Báo cáo đăng trong Kỷ yếu Hội thảo "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục. Hà Nội, 11/2004.
6. Nguyễn Đông Hạnh (Chủ nhiệm). Phạm vi và đặc điểm biểu hiện cơ chế thị trường trong giáo dục, đào tạo ở Việt Nam (Dự thảo). Đề tài NCKH Cấp Bộ, mã số: B 2003 - 52 - 33. Hà Nội, 2005.
7. Phan Văn Kha (Chủ nhiệm). Các giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng nhân lực có trình độ trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam. Đề tài NCKH Cấp Bộ trọng điểm, mã số: B 2003 - 52 TĐ50. Hà Nội, 2006.

SUMMARY

The author analyzes educational development in a socialist-oriented market economy with focus on such issues as education in a socialist-oriented market economy, characteristics of human resource training services under the impact of the laws of the market mechanism.